

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1396* /UBND-GD&ĐT
V/v rà soát thực trạng và nhu
cầu đầu tư cải tạo, XD nhà vệ
sinh và cung cấp nước sạch
trong trường học.

Bỉm Sơn, ngày 12 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 1342/SGDDĐT-KHTC ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát thực trạng và nhu cầu đầu tư cải tạo, xây dựng nhà vệ sinh và cung cấp nước sạch trong trường học, UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo như sau:

1. UBND thị xã Bỉm Sơn đã ban hành Kế hoạch số 1170/KH-UBND ngày 29/7/2017 về việc xây dựng cơ sở vật chất trường học trên địa bàn giai đoạn 2017-2021 báo cáo Sở GD&ĐT; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp học để triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đã chỉ đạo thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng cường vệ sinh môi trường trường học, đến nay 100% các nhà trường đã có công trình vệ sinh, sử dụng nguồn nước máy; các bếp ăn tập thể của trường mầm non, tiểu học 100% đạt chuẩn ATTP theo quy định.

2. Đánh giá thực trạng, nhu cầu và dự kiến kinh phí đầu tư cải tạo, xây dựng khu nhà vệ sinh và nguồn cung cấp nước sạch các trường MN, TH, TH&THCS, THCS, THPT và TTGD TX trên địa bàn thị xã:

a. Về thực trạng khu công trình vệ sinh và nguồn nước sạch:

Toàn thị xã có 25 trường gồm 8 trường mầm non công lập, 7 trường Tiểu học, 6 trường THCS, 2 trường TH&THCS, 2 trường THPT và 1 trung tâm GDTX, 100% các trường đã được dùng nguồn nước sạch (nước máy), đảm bảo vệ sinh phục vụ sinh hoạt và ăn uống, với 169 khu vệ sinh (KVS), trong đó KVS kiên cố là 153, bán kiên cố là 14 và 2 khu tạm (KVS dành cho giáo viên là 35, kiên cố là 31, bán kiên cố là 2 và 2 khu tạm; KVS cho học sinh là 134, kiên cố là 122, bán kiên cố là 12). Cụ thể:

- *Bậc Mầm non*: 8 trường công lập có 71 khu vệ sinh, trong đó 6/8 trường có KVS dành cho giáo viên (kiên cố: 5 và 1 khu tạm); 65 KVS dành cho trẻ (kiên cố 59, bán kiên cố 6);

- *Bậc Tiểu học*: 7 trường có 38 KVS, kiên cố 34, bán KC 4, 1 khu tạm. Trong đó: 5/7 trường có KVS dành cho giáo viên với 7 khu (kiên cố: 6, BKC: 1 và 1 khu tạm); 31 KVS cho học sinh (kiên cố: 28, BKC: 3).

- *Bậc THCS, TH&THCS*: 2 trường liên cấp 1,2 và 6 trường THCS có 31 KVS, kiên cố 27, bán KC là 4. Trong đó: 8/8 trường đã có KVS dành cho giáo viên với 13 khu (kiên cố: 12, BKC: 1); 18 KVS cho học sinh (Kiên cố: 15, BKC: 3).

- *Bậc THPT*: 2 trường có 28 KVS kiên cố. Trong đó 8 KVS kiên cố cho giáo viên và 20 KVS kiên cố dành cho học sinh.

b. Nhu cầu và dự kiến kinh phí đầu tư cải tạo, xây dựng khu nhà vệ sinh:

- Đầu tư xây dựng mới 12 KVS dành cho giáo viên và 3 KVS cho học sinh với kinh phí dự kiến khoảng 800 triệu đồng;

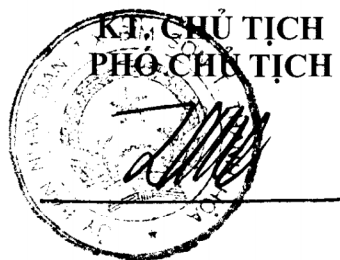
- Sửa chữa, cải tạo 46 KVS cho học sinh và 3 KVS cho giáo viên đã xuống cấp, hư hỏng với kinh phí dự kiến khoảng 888 triệu đồng.

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng mới và sửa chữa cải tạo khoảng 1.688 triệu đồng, trong đó huy động từ nguồn xã hội hóa khoảng 668 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo thực trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo khu vệ sinh, nguồn nước sạch trong trường học trên địa bàn, UBND thị xã Bim Sơn báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- Lưu: VT, GD.



Mai Đình Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG KHU VỆ SINH, NGUỒN NƯỚC SẠCH VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI,
SỬA CHỮA, CẢI TẠO ĐỂ BỔ SUNG, THAY THẾ KHU VỆ SINH, NGUỒN NƯỚC SẠCH THIỂU, XUỐNG CẤP
(Thời điểm báo cáo đến 30 tháng 5 năm 2018)**

TT	Đơn vị trường học	Thực trạng khu vệ sinh, nguồn nước sạch										Nhu cầu đầu tư XD mới, sửa chữa, cải tạo khu vệ sinh, nguồn nước sạch (Triệu đồng)						Ghi chú	
		Khu vệ sinh dành cho giáo viên					Khu vệ sinh dành cho HS					Xây mới			Sửa chữa, cải tạo				
		T số	KC	Bán KC	Tạm	T số	KC	Bán KC	Tạm	Nguyên nước sạch	GV	HS	Ước kinh phí	GV	HS	Ước kinh phí	Nguyên nước sạch		HS
I	Mầm non																		
1	Bác Sơn	1	1	0	0	11	7	4	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	10
2	Quang Trung	1	0	0	1	8	8	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Phú Sơn	1	1	0	0	10	10	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Ba Đình	1	1	0	0	11	11	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lam Sơn	0	0	0	0	9	7	2	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
6	Xi Măng	1	1	0	0	4	4	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
7	Đông Sơn	1	1	0	0	4	4	0	0	1	0	0	1	0	0	0	4	0	20
8	Hà Lan	0	0	0	0	8	8	0	0	1	0	0	1	1	0	0	8	0	50
	Tổng số	6	5	0	1	65	59	6	0	8	- 3	0	0	150	0	14	0	80	
II	Tiểu học																		
1	Bác Sơn	1	1	0	0	4	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngọc Trạo	1	1	0	0	8	8	0	0	1	0	0	1	0	0	0	4	0	70
3	Ba Đình	2	2	0	0	8	8	0	0	1	0	0	1	0	0	2	4	0	70
4	Lam Sơn 1	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	18
5	Lam Sơn 3	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
6	Đông Sơn	2	2	0	0	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hà Lan	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	1	0	0	1	1	1	30
	Tổng số	8	6	1	1	31	28	3	0	6	2	0	0	100	3	10	1	188	

III	TH&THCS																		
1	Phú Sơn	1	1	0	0	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Quang Trung	1	0	1	0	1	0	1	0	1	1	0	0	100	0	1	0	50	
	Tổng số	2	1	1	0	3	2	1	0	2	1	1	0	100	0	1	0	50	
IV	THCS																		
1	Bắc Sơn	2	2	0	0	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngọc Trạo	1	1	0	0	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ba Đình	3	3	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lê Quý Đôn	2	2	0	0	4	4	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xi Măng	1	1	0	0	2	2	0	0	1	2	2	0	300	0	0	0	0	0
6	Hà Lan	2	2	0	0	2	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	50
	Tổng số	11	11	0	0	15	13	2	0	6	2	2	0	300	0	5	0	100	
V	THPT																		
1	Bim Sơn	4	4	0	0	12	12	0	0	1	4	0	0	150	0	12	0	400	
2	Lê Hồng Phong	4	4	0	0	8	8	0	0	1	0	0	0	0	0	4	0	70	
	Tổng số	8	8	0	0	20	20	0	0	2	4	0	0	150	0	16	0	470	
VI	TTGDTX																		
1	Bim Sơn	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	35	31	2	2	134	122	12	0	24	12	3	0	800	3	46	1	888	

Ghi chú: Dự kiến tổng nguồn kinh phí thực hiện: khoảng 1,688 triệu đồng (trong đó kinh phí xây dựng mới là 800 triệu đồng, sửa chữa cải tạo gần 888 triệu đồng)

Trong đó: Nguồn NS khoảng 1.000 triệu đồng, nguồn XHHGD khoảng 688 triệu đồng

TRƯỜNG PHÒNG GD & ĐT

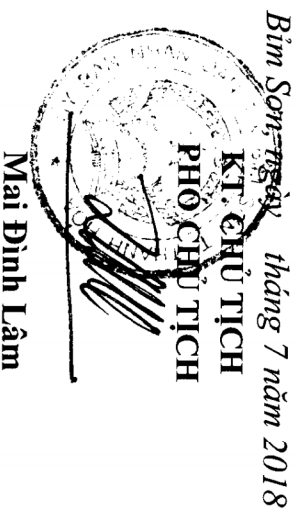


Phạm Xuân Duy

Bim Sơn ngày tháng 7 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Đình Lâm